

CÔNG TY TNHH STONEMAN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH STONEMAN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STONEMAN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109865932

3. Ngày thành lập: 21/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 101, Tổ dân Phố Liên Cơ, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 091 1115623

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của các đấu giá viên) - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649

7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Khảo sát địa hình - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình giao thông, thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Khảo sát xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế máy móc và thiết bị; + Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.	7110

11.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
12.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
13.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
14.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
15.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá)	4799
16.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Xây dựng nhà để ở	4101
19.	Xây dựng nhà không để ở	4102
20.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
21.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
22.	Xây dựng công trình điện	4221
23.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Xây dựng công trình thủy	4291
26.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
28.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò phá bom mìn)	4311
29.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò phá bom mìn)	4312
30.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

